

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-ST
Ngày: 30 – 8 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hai

Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2023 và ngày 16 và ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
Trụ sở: Số B - 268, N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: Ông Đoàn Minh Đ - Trưởng phòng G, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
Địa chỉ: Số B, Khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Lê Thị Minh X, sinh năm 1983

2.2. Ông Ngô Minh Đ1, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số A, đường Đ, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa: Ông Đoàn Minh Đ – đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có mặt. Bị đơn ông Đ1 và bà X vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ông Đoàn Minh Đ – đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:

Ngày 17/06/2021, bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 có ký hợp đồng tín dụng số 202126158051 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 202126158051-01 ngày 17/6/2022 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Phòng G (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền: 1.450.000.000đ; Thời hạn vay theo giấy nhận nợ ngày 30/9/2022 là 06 tháng (thời hạn trả nợ gốc vào ngày 30/03/2023); Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh gạch men, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất; Lãi suất: 11%/năm (theo quy định của Ngân hàng TMCP S) công bố tại thời điểm nhận nợ); Phương thức trả nợ: Vốn trả theo giấy nhận nợ ngày 30/9/2022, lãi trả định kỳ hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Đ1 và bà X có thế chấp cho ngân hàng các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 202, tờ bản đồ 18, diện tích 77,9m² được UBND thành phố S cấp cho ông Ngô Minh Đ1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB872788. Thửa đất tọa lạc tại Khóm B, Phường B, thành phố S và căn nhà gắn liền với đất diện tích 94,9m².

+ Xe ô tô tải có mui nhãn hiệu DAEWOO – KC6C1 theo GCN đăng ký xe ô tô số 008533, biển số kiểm soát 66C – 060.14 do Phòng C – Công an tỉnh Đ cấp ngày 08/10/2016 cho bà Lê Thị Minh X đứng tên sở hữu.

Sau khi vay bà X và ông Đ1 có thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng được 05 kỳ số tiền là 52.244.306đ thì ngưng. Sau đó, phía Ngân hàng cũng nhiều lần làm việc, nhắc nhở đôn đốc nhưng bà X và ông Đ1 vẫn không thanh toán nợ vay đúng hạn cho Ngân hàng. Do bà X và ông Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên từ ngày 01/03/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn nợ sang nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng N. Tại thời điểm quá hạn lãi suất của Hợp đồng vay được tính bằng 150% lãi trong hạn theo thỏa thuận trên hợp đồng.

Như vậy, tính đến ngày 06/03/2023, bà X và ông Đ1 còn nợ Ngân hàng khoản vay như sau: Nợ gốc 1.450.000.000đ; Lãi tạm tính (đến ngày 06/3/2023) là 25.948.308đ (Trong đó lãi trong hạn 25.766.302đ, lãi quá hạn 182.006đ).

Ngoài khoản vay thế chấp trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Phòng G (gọi tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 cụ thể sau:

- Ngày 06/06/2019 và ngày 04/02/2020, Ngân hàng có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bà Lê Thị Minh X (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 150.000.000đ, số thẻ: 356481-3356, mục đích tiêu dùng cá nhân, có thời hạn sử dụng là 05 năm. Lãi suất trong hạn áp dụng là: 19,2%/năm. Tại thời điểm quá hạn lãi suất của Hợp đồng vay được tính bằng 150% lãi trong hạn theo thỏa thuận trên hợp đồng. Tính đến ngày 06/03/2023, bà X còn nợ thẻ tín dụng số tiền vốn gốc là 157.054.941đ, nợ lãi là 452.188đ.

- Ngày 17/09/2021, Ngân hàng có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ông Ngô Minh Đ1 (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ, số thẻ: 356480-7253, mục đích tiêu dùng cá nhân, có thời hạn sử dụng là 05 năm. Lãi suất trong hạn áp dụng là: 24,6%/năm. Khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 06/03/2023, ông Đ1 còn nợ thẻ tín dụng số tiền vốn gốc là 58.228.450đ, nợ lãi là 1.225.823đ.

Nay Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà X và ông Đ1 trả các khoản trả nợ, cụ thể:

1. Yêu cầu bà X và ông Đ1 cùng liên đới trả khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 202126158051 ký ngày 17/06/2021, số tiền nợ gốc là 1.450.000.000đ; Lãi tạm tính đến ngày 06/3/2023 là 25.948.308đ (Trong đó lãi trong hạn 25.766.302đ, lãi quá hạn 182.006đ) và tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc kể từ ngày 07/3/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng.

Trong trường hợp bà X và ông Đ1 không thanh toán hết nợ vay thì đề nghị xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126158051A và số 202126158051B ngày 17/6/2021 để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 202, tờ bản đồ 18, diện tích 77,9m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà diện tích 94,9m² được UBND thành phố S cấp cho ông Ngô Minh Đ1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB872788 (Nhà, đất tọa lạc tại Khóm B, Phường B, thành phố S).

- Xe ô tô tải có mui nhãn hiệu DAEWOO – KC6C1 theo GCN đăng ký xe ô tô số 008533, biển số kiểm soát 66C – 060.14 do Phòng C – Công an tỉnh Đ cấp ngày 08/10/2016 cho bà Lê Thị Minh X đứng tên sở hữu.

2. Yêu cầu bà X trả khoản vay theo Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 12791416 ký ngày 06/06/2019 và giấy đề nghị ngày 04/02/2020 số tiền vốn gốc là 157.054.941đ; nợ lãi tạm tính đến ngày 06/3/2023 là 452.188đ và tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc kể từ ngày 07/3/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng.

3. Yêu cầu ông Đ1 trả khoản vay theo Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1809554 ký ngày 17/09/2021 số tiền vốn gốc là 58.228.450đ; nợ lãi tạm tính đến ngày 06/3/2023 là 1.225.823đ và tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc kể từ ngày 07/3/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

* Về phía bị đơn bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án, không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không có tin tức. Tòa án cũng đã thực hiện việc tổng đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông Đ1, bà X cũng không đến Tòa án để giải quyết cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 cùng liên đới trả cho trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 1.450.000.000đ; nợ lãi là 25.948.308đ.

Trường hợp bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp ký kết giữa hai bên để thu hồi nợ.

- Buộc bà Lê Thị Minh X trả cho trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 157.054.941đ; nợ lãi là 452.188đ.

- Buộc ông Ngô Minh Đ1 trả cho trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S gốc là 58.228.450đ; nợ lãi là 1.225.823đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 06/3/2023, bà Lê Thị Minh X, ông Ngô Minh Đ1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa

thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật (có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 cư trú tại thành phố S. Theo quy định tại Điều 10 của Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận khi xảy ra tranh chấp Ngân hàng TMCP S có toàn quyền lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch hoặc một Tòa án khác để khởi kiện phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 cùng liên đới trả khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 202126158051 ký ngày 17/06/2021, số tiền nợ gốc là 1.450.000.000đ; Lãi tạm tính đến ngày 06/3/2023 là 25.948.308đ (Trong đó lãi trong hạn 25.766.302đ, lãi quá hạn 182.006đ). Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và bị đơn bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 có ký hợp đồng tín dụng số 202126158051 ngày 17/06/2021, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 202126158051-01 ngày 17/6/2022 vay số tiền: 1.450.000.000đ; Thời hạn vay theo giấy nhận nợ ngày 30/9/2022 là 06 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh gạch men, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất; Lãi suất: 11%/năm (theo quy định của S1 công bố tại thời điểm nhận nợ); Phương thức trả nợ: lãi trả định kỳ hàng tháng, trả nợ gốc vào ngày 30/03/2023. Căn cứ theo giấy nhận nợ ngày 30/9/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho bà X, ông Đ1 nhận số tiền là 1.450.000.000đ.

Hợp đồng tín dụng giữa các bên được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không

trái đạo đức, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, hợp đồng tín dụng phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ thời điểm ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng bà X, ông Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 01/03/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn nợ sang nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng N.

[2.2]. Về nghĩa vụ chứng minh: Tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,...

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó...” .

Về phía bà X và ông Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không có lời trình bày ý kiến tại Tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà X, ông Đ1 trả nợ gốc 1.450.000.000đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về nợ lãi: Đối với khoản vay có thể chấp theo hợp đồng tín dụng ngày 17/6/2021, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung ngày 17/6/2021, giấy nhận nợ ngày 30/9/2022. Các bên thỏa thuận lãi suất 03 tháng đầu là 11%/tháng, từ tháng thứ 4 lãi suất của toàn bộ dư nợ sẽ được áp dụng theo mức lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4,8%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Như vậy, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, nợ quá hạn. Căn cứ Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy: Sự thỏa thuận giữa các bên về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên việc Ngân hàng yêu cầu bà X và ông Đ1 trả lãi tạm tính đến ngày 06/3/2023 là 25.948.308đ (Trong đó lãi trong hạn 25.766.302đ, lãi quá hạn 182.006đ) và tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc kể từ ngày 07/3/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.3] Về Hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà X và ông Đ1 đã thế chấp tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB872788, do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 02/8/2010 cho ông Ngô Minh Đ1 (thuộc thửa đất 202, tờ bản đồ 18, diện tích 77,9m² và căn nhà gắn liền với đất diện tích 94,9m²). Nhà đất tọa lạc tại Khóm B, Phường B, thành phố S (hiện không có người quản lý).

- Xe ô tô tải có mui nhãn hiệu DAEWOO – KC6C1 theo GCN đăng ký xe ô tô số 008533, biển số kiểm soát 66C – 060.14 do Phòng C – Công an tỉnh Đ cấp ngày 08/10/2016 cho bà Lê Thị Minh X đứng tên sở hữu (Hiện ngân hàng đang quản lý).

Xét thấy hợp đồng thế chấp mà các bên tham gia ký kết được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự 2015, có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Do đó, trường hợp ông Đ1, bà X không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo nội dung Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126158051A và số 202126158051B ngày 17/6/2021.

[3]. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Lê Thị Minh X trả khoản vay theo Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 12791416 ký ngày 06/06/2019 số tiền vốn gốc là 157.054.941đ, nợ lãi tạm tính đến ngày 06/3/2023 là 452.188đ; Yêu cầu ông Ngô Minh Đ1 trả khoản vay theo Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1809554 ký ngày 17/09/2021 số tiền vốn gốc là 58.228.450đ và nợ lãi tạm tính đến ngày 06/3/2023 là 1.225.823đ. Đồng thời yêu cầu bà X, ông Đ1 tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc kể từ ngày 07/3/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Về xác lập Hợp đồng và nợ gốc

Căn cứ nội dung Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/6/2019, 04/02/2020 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thể hiện: Ngân hàng đồng ý cấp Thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 150.000.000đ; không có thế chấp tài sản bảo đảm, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn áp dụng là: 19,2%/năm. Tại thời điểm quá hạn lãi suất của Hợp đồng vay được tính bằng 150% lãi trong hạn theo thỏa thuận trên hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 22/02/2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc 157.054.941đ sang nợ quá hạn theo Hợp đồng đã ký kết.

Căn cứ nội dung Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/9/2021 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thể hiện: Ngân hàng đồng ý cấp Thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 50.000.000đ; không có thế chấp tài sản bảo đảm, với mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn áp dụng là: 24,6%/năm. Tại thời điểm quá hạn lãi suất của Hợp đồng vay được tính bằng 150% lãi trong hạn theo thỏa thuận trên hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 15/02/2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc 58.228.450đ sang nợ quá hạn theo Hợp đồng đã ký kết.

Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng xác định các khoản vay theo thẻ tín dụng là cấp cho cá nhân, mục đích vay tiêu dùng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu cá nhân ông Đ1, bà X tự chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu liên đới với nhau.

Về phía bị đơn ông Đ1, bà X như đã nhận định trên, từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án, Tòa án đã triệu tập trình bày ý kiến và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Đối chiếu quy định đã viện dẫn, Hội đồng xét xử công nhận các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu cá nhân bà X trả nợ gốc 157.054.941đ; Yêu cầu cá nhân ông Đ1 trả nợ gốc 58.228.450đ là có căn cứ chấp nhận.

[3.2]. Về lãi suất vay: Đối với khoản vay tín chấp của bà X, hai bên thỏa thuận lãi suất là 19,2%/năm và khoản vay tín chấp của ông Đ1 hai bên thỏa thuận lãi suất là 24,6%/năm; Đồng thời lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Sự thỏa thuận của các bên về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, hợp đồng tín dụng phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ thời điểm ký kết. Nên việc ngân hàng yêu cầu bà X trả lãi tạm tính đến ngày 06/3/2023 là 452.188đ; Yêu cầu ông Đ1 trả lãi tạm tính đến ngày 06/3/2023 là 1.225.823đ. Đồng thời yêu cầu bà X, ông Đ1 tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc kể từ ngày 07/3/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như đã nhận định trên.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ1 và bà X chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

[6]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Số tiền 200.000đ, Ngân hàng tự nguyện nộp, đã nộp đủ và chi xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 117, 118, 119, 317, 318, 319, 323, 325, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Buộc bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 cùng liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 1.450.000.000đ; nợ lãi là 25.948.308đ. Tổng cộng số nợ phải trả tính đến ngày 06/3/2023 là 1.475.948.308đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn ba trăm lẻ tám đồng).

Trường hợp bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202126158051A và số 202126158051B ngày 17/6/2021 ký kết giữa hai bên để thu hồi nợ.

- Buộc bà Lê Thị Minh X trả cho trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 157.054.941đ; nợ lãi là 452.188đ. Tổng số nợ phải trả tính đến ngày 06/3/2023 là 157.507.129đ (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm lẻ bảy ngàn một trăm hai mươi chín đồng).

- Buộc ông Ngô Minh Đ1 trả cho trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nợ gốc là 58.228.450đ; nợ lãi là 1.225.823đ. Tổng số nợ phải trả tính đến ngày 06/3/2023 là 59.454.273đ (Năm mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 06/3/2023 bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng số 202126158051 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng số 202126158051-01 ngày 17/6/2022. Đối với bà Lê Thị Minh X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/6/2021; Ông Ngô Minh Đ1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp Thẻ tín

dụng kiêm hợp đồng ngày ngày 17/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Minh X và ông Ngô Minh Đ1 liên đới chịu 56.278.499đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Minh X chịu 7.875.356đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Ngô Minh Đ1 chịu 2.972.714 án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 31.394.000đ theo biên lai số 0015109 ngày 07/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 200.000đ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tự nguyện nộp (đã nộp đủ và chi xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự ;
- Tòa án Tỉnh Đồng Tháp;
- Viện Kiểm sát ND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THA Dân sự TP. Sa Đéc;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy